TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------

Bản án số: 62 /2018/HSST
Ngày: 18/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN ĐÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đông.
Ông Lê Thế Chuyên.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2018/HSST ngày 13/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST - HS ngày 03/5/2018 đối với bị cáo:

1. ***Trần Tuấn A***, sinh năm 1999 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn N, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Trần Văn S và bà: Nguyễn Thị D; Tiền án, tiền sự:

+ Ngày 05/7/2017, Chủ tịch UBND xã V ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 07/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 03 Hà Nội.

Nhân thân: không có tiền án, tiền sự đã được xóa;

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 18/02/2018 đến ngày 27/02/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Nguyễn Văn T***, sinh năm 1997 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn P, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn P và bà: Lê Thị T; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại*:** Trần Văn S, sinh năm 1970 và bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1974 (là bố mẹ đẻ của Trần Tuấn A); Cùng trú tại: Thôn N, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Có mặt bà D, vắng mặt ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Hồi 9^h 00' ngày 17/02/2018, Nguyễn Văn T đến nhà Trần Tuấn A chúc tết. Tuấn A xin bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ Tuấn A) và ông Trần Văn S (bố đẻ của Tuấn A) tiền để đi chơi tết. Ông Trần Văn S cho Trần Tuấn A 200.000 đồng, Tuấn A xin thêm nhưng bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S không cho. Biết bố mẹ chuẩn bị đi chúc tết và có tiền tiết kiệm để trong két sắt nên Trần Tuấn A nảy sinh ý định phá két sắt trộm cắp tiền để tiêu.

Tránh bị nghi ngờ, Trần Tuấn A rủ Nguyễn Văn T đến Đền Sái chơi để chờ cho bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S đi chúc tết sẽ quay về nhà phá két sắt trộm cắp tiền. Đến khoảng 12^h00'cùng ngày, Trần Tuấn Tuấn A nói với Nguyễn Văn T xem ở đâu có máy cắt sắt, mượn máy cắt về để cắt phá két sắt, lấy được tiền sẽ cho T 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn T đồng ý và cùng nhau quay về nhà của Trần Tuấn A, tại đây Nguyễn Văn T nói với Trần Tuấn A chở về xưởng cơ khí ở thôn P, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội do anh Lê Anh T, sinh năm 1984 (anh họ của Nguyễn Văn T) làm chủ, mục đích mượn máy mài để cắt két.

Đến xưởng cơ khí không thấy anh Lê Văn T ở nhà nên Nguyễn Văn T vào xưởng lấy 01 máy mài loại máy cầm tay (dạng máy dùng để mài và cắt sắt) và 01 lưỡi cắt rồi quay về nhà Trần Tuấn A, cả hai cùng kéo chiếc két sắt để sát tường trong bếp ra giữa bếp. Nguyễn Văn T cắm điện và cùng Trần Tuấn A thay nhau cắt thủng hai lớp tấm kim loại phía sau két sắt. Trần Tuấn A thò tay vào trong két lấy tiền cất giấu vào người. Quá trình cắt phá két làm cát chống cháy của két sắt rơi ra ngoài nên Nguyễn Văn T dùng chổi quét hót cát và 03 mảnh kim loại cắt từ két và 01 lưỡi cắt đem theo vào xô đem ra sân cất giấu.

Sau khi lấy được tiền, để tránh bị phát hiện, Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T đẩy chiếc két sắt vào vị trí cũ rồi khóa cửa đem máy mài về xưởng cơ khí của anh Lê Văn T trả. Đến xưởng, gặp anh Lê Văn T hỏi "lấy máy mài làm gì", Nguyễn Văn T nói dối "em mượn máy để cắt chuồng chó" và đem máy mài cất vào xưởng. Trần Tuấn A đếm số tiền trộm cắp được 15.350.000 đồng, và chia cho Nguyễn Văn T 1.000.000 đồng như đã hứa. Sau đó Tuấn A một mình đi đến huyện S để chuộc lại điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro (trước đó Tuấn A cầm đồ để lấy tiền tiêu) hết 1.500.000 đồng, còn Nguyễn Văn T đi về nhà.

Khoảng 16h00 cùng ngày, vợ chồng bà Nguyễn Thị D đi chúc tết về thấy nhiều cát rơi từ bếp ra sân, kiểm tra thấy có xô đựng đầy cát. Nghi ngờ chiếc két sắt bị cậy

phá nên kiểm tra phát hiện bị cắt và bị mất số tiền tiết kiệm 15.350.000 đồng để trong két.

[2]. Vật chứng của vụ án tạm giữ gồm:

- Của Trần Tuấn A: 01 túi xách bằng vải màu xanh đã cũ có quai đeo mác "adidas"; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, màu đen, số imei1: 35644608968828201, số imei2: 35644608968828001, gắn sim số thuê bao 1: 01688722274, gắn sim số thuê bao 2: 01626505742 và số tiền 12.380.000 đồng .

- Của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động Iphone 6s, màu trắng, số imei: 355690073040569, gắn sim số thuê bao: 0974323201 và số tiền 1.000.000 đồng.

- Của anh Lê Anh T: 01 máy mài cầm tay nhãn hiệu Rodeo AG0710, màu đỏ đen, có gắn lưỡi cắt White Horse màu xanh.

- Khám nghiệm hiện trường thu giữ 03 mảnh sắt và 01 lưỡi cắt.

Số tiền 13.380.000 đồng tạm giữ của Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T là vật chứng của vụ án mà các bị cáo trộm cắp của bà Nguyễn Thị D. Ngày 30/3/2018 Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho cho bà Nguyễn Thị D.

01 túi xách bằng vải màu xanh đã cũ có quai đeo mác "adidas"; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, số imei1: 35644608968828201, số imei2: 35644608968828001, màu đen, gắn sim số thuê bao 1: 01688722274, gắn sim số thuê bao 2: 01626505742 tạm giữ của Trần Tuấn A và 01 điện thoại di động Iphone 6s, màu trắng, số imei: 355690073040569, gắn sim số thuê bao: 0974323201 tạm giữ của Nguyễn Văn T là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên không cần tiếp tục tạm giữ. Cơ quan Điều tra Quyết định xử lý vật chứng vụ án trao trả cho Nguyễn Văn T và Trần Tuấn A.

Anh Lê Anh T không biết Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T sử dụng máy mài và lưỡi cắt lấy tại xưởng của mình để làm công cụ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 30/3/2018 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Lê Văn T chiếc máy mài cầm tay nhãn hiệu Rodeo AG0710 màu đỏ đen, có gắn lưỡi cắt White Horse màu xanh và chiếc lưỡi cắt.

[3]. Về phần dân sự: Bà Nguyễn Thị D khai chiếc két sắt của gia đình bà (bị Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T cắt làm hư hỏng) đã cũ, giá trị không lớn nên bà và ông Trần Văn S không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự.

Số tiền 1.970.000 đồng, Trần Tuấn A đã tiêu xài cá nhân hết, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Trần Tuấn A phải bồi thường.

[4]. Tại cáo trạng số 50/CT - VKS ngày 11/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản". Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và kết luận Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Trần Tuấn A từ 12 đến 15 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Nguyễn Văn T từ 08 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 03 mảnh sắt.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa, Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, không kêu oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho mình một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 12h00’ ngày 17/02/2018, Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi sử dụng máy mài loại máy cầm tay (dạng máy dùng để mài và cắt sắt) phá két sắt đựng tiền của gia đình bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S tại thôn N, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội để chiếm đoạt tổng số tiền là 15.350.000 đồng.

Hành vi của Trần Tuấn A và Nguyễn Văn Th đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt 15.350.000 đồng của bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S.

Như vậy hành vi của Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, như kết luận của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu, số tiền mà bị cáo được hưởng không lớn và đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Mức độ phạm tội:

- Bị cáo Trần Tuấn A là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo Nguyễn Văn T cùng phạm tội, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Ngày 05/7/2017, Chủ tịch UBND xã V ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 07/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý

hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 03 Hà Nội. Sau khi trộm cắp được 15.350.000 đồng thì bị cáo hưởng lợi bất chính là 12.350.000 đồng. Bởi vậy, đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo; mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung.

- Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người có nhân thân tốt và nhất thời phạm tội; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội với thời gian thử thách nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy các bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định; Bản thân bị cáo Trần Tuấn A là người nghiện ma túy, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 13.380.000 đồng tạm giữ của Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị D mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Ngày 30/3/2018 Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bà Nguyễn Thị D là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 túi xách bằng vải màu xanh đã cũ có quai đeo mác "adidas"; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, số imei1: 35644608968828201, số imei2: 35644608968828001, màu đen, gắn sim số thuê bao 1: 01688722274, gắn sim số thuê bao 2: 01626505742 tạm giữ của Trần Tuấn A và 01 điện thoại di động Iphone 6s, màu trắng, số imei: 355690073040569, gắn sim số thuê bao: 0974323201 tạm giữ của Nguyễn Văn T là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 30/3/2018 Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho Nguyễn Văn T và Trần Tuấn A là có căn cứ và phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 chiếc máy mài cầm tay nhãn hiệu Rodeo AG0710 màu đỏ đen, có gắn lưỡi cắt White Horse màu xanh là tài sản hợp pháp của anh Lê Anh T. Các bị cáo đã tự ý đến xưởng sản xuất do anh làm chủ mang đi sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, anh Lê Văn T không biết. Ngày 30/3/2018 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Lê Văn T là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, bị hại là bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Tuyên bố*:** Các bị cáo Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. ***Căn cứ vào*:**

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (áp dụng đối với Trần Tuấn A).

- Khoản 1 Điều 173; điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (áp dụng đối với Nguyễn Văn T).

- Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Xử phạt: ***Trần Tuấn A*** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/02/2018 đến ngày 27/02/2018.

+ Xử phạt: ***Nguyễn Văn T*** 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày 18/5/2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Tịch thu tiêu hủy 03 mảnh sắt theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

+ ***Án phí*:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, tuyên có mặt các bị cáo và bà Nguyễn Thị D, vắng mặt ông Trần Văn S.

Các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phi Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Phi Hùng